



**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11/06/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28/07/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/03/2023.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 21,73% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2023: 10.000.000.000 đồng.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/12/2007.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 25 Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 243.9718437
- Fax: (84) 243.9718437
- Website: <http://www.hevobooks.com>
- Email: info@hevobco.com.vn - admin.hevobooks.com

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sao chép bản ghi các loại;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 17 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|---------------|--|
| • Ông Nguyễn Công Dũng | Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 05/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Bích Ngọc | Ủy viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 24/04/2023 |
| • Bà Tạ Thị Thanh Huyền | Ủy viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 24/04/2023 |
| • Bà Nguyễn Thị Hữu | Ủy viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 05/04/2022 |
| • Ông Đặng Trần Bảo Tín | Ủy viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 05/04/2022 |
| • Ông Phạm Gia Trí | Ủy viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 30/01/2018
Miễn nhiệm ngày 24/04/2023 |
| • Ông Doãn Hữu Đoàn | Ủy viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 05/04/2022
Miễn nhiệm ngày 24/04/2023 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|--|
| • Bà Trần Thị Thu Thùy | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 24/04/2023 |
| • Bà Nguyễn Bích Ngọc | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 05/04/2022
Miễn nhiệm ngày 24/04/2023 |
| • Bà Hoàng Thị Thu Hằng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/04/2023 |
| • Ông Phạm Gia Huấn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 05/04/2022 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------------|-------------------|---|
| • Ông Trần Đình Hoàng | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/03/2023 |
| • Ông Phạm Gia Trí | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 31/01/2018
Miễn nhiệm ngày 01/03/2023 |
| • Ông Trần Trọng Tiến | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 31/01/2018
Xin nghỉ việc từ 01/03/2024 |
| • Bà Trần Thị Phương Lan | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 03/05/2021 |
| • Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền | Phụ trách kế toán | Bổ nhiệm ngày 01/03/2023 |
| • Ông Lê Quang Dũng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 31/01/2018
Miễn nhiệm ngày 01/03/2023 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc

CỔ PHẦN

SÁCH ĐẠI HỌC

DẠY NGHỀ

Q. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

Trần Đình Hoàng

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2024



AAC AUDITING AND ACCOUNTING CO., LTD

AN INDEPENDENT MEMBER OF PRIMEGLOBAL

AUDITING - ACCOUNTING - FINANCE SPECIALITY

Head Office: Lot 78 - 80, April 30th Street, Hai Chau District, Da Nang City

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 157/2024/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 29/02/2024 của Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 037/VACO/BCKIT.NV2 ngày 27/02/2023, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính nêu trên.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1
Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2024

Đỗ Thị Phượng Thủy – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2970-2024-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.761.852.904	16.550.015.872
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.443.235.937	2.929.422.991
1. Tiền	111	5	1.443.235.937	2.929.422.991
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.047.445.023	5.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	4.047.445.023	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.568.824.802	1.210.223.394
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.326.851.879	1.455.348.624
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	284.787.579	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	145.919.190	70.593.151
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(188.733.846)	(315.718.381)
IV. Hàng tồn kho	140	11	5.679.674.642	7.409.254.488
1. Hàng tồn kho	141		6.905.685.116	7.960.311.836
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.226.010.474)	(551.057.348)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.672.500	1.114.999
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	22.672.500	1.114.999
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		955.562.928	1.520.441.934
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.176.000	65.072.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	22.176.000	65.072.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		655.190.468	856.787.534
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	655.190.468	856.787.534
- Nguyên giá	222		1.315.932.400	1.315.932.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(660.741.932)	(459.144.866)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		278.196.460	598.582.400
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	278.196.460	598.582.400
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		13.717.415.832	18.070.457.806

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		848.635.878	2.042.699.291
I. Nợ ngắn hạn	310		848.635.878	2.042.699.291
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	580.207.491	744.720.978
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	10.000.000	3.800.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	64.008.144	372.089.312
4. Phải trả người lao động	314		-	441.565.203
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	98.596.180	85.174.735
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		95.824.063	395.349.063
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.868.779.954	16.027.758.515
I. Vốn chủ sở hữu	410		12.868.779.954	16.027.758.515
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	962.203.411	962.203.411
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	16.576.543	3.175.555.104
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.775.555.104	1.775.555.104
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.758.978.561)	1.400.000.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		13.717.415.832	18.070.457.806



Trần Đình Hoàng

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2024

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Huyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	15.584.587.903	40.051.891.923
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		15.584.587.903	40.051.891.923
4. Giá vốn hàng bán	11	21	12.407.999.809	30.763.413.558
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		3.176.588.094	9.288.478.365
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	224.643.141	115.951.742
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	23.a	1.474.909.885	1.546.114.183
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23.b	3.471.276.209	5.779.744.318
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.544.954.859)	2.078.571.606
11. Thu nhập khác	31		10.873.669	113.769.261
12. Chi phí khác	32	24	224.897.371	142.879.332
13. Lợi nhuận khác	40		(214.023.702)	(29.110.071)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.758.978.561)	2.049.461.535
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	468.189.544
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(1.758.978.561)	1.581.271.991
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	(1.759)	1.581
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	(1.759)	1.581



Trần Đình Hoàng

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2024

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Huyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	15.602.631.537	40.045.008.479
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(13.481.403.203)	(32.062.213.426)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.359.184.333)	(3.849.726.500)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05 16	(268.189.544)	(362.128.649)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	429.672.269	90.539.613
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.139.689.875)	(1.722.386.647)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.216.163.149)	2.139.092.870
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.547.445.023)	(5.000.000.000)
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24 6	4.500.000.000	5.000.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 9,22	177.421.118	94.946.262
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.129.976.095	94.946.262
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 18	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.486.187.054)	834.039.132
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 5	2.929.422.991	2.095.383.859
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 5	1.443.235.937	2.929.422.991



Trần Đình Hoàng

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2024

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Huyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11/06/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28/07/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/03/2023.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sao chép bản ghi các loại;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí công in, nhuận bút, phí quản lý xuất bản, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên chi phí công in.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Phí quản lý xuất bản, phí đấu thầu bản thảo trả trước cho các sách chưa in được phân bổ căn cứ vào số lượng sách in nhập kho;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.9 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.10 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm.

4.11 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.12 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.13 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư tài chính và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Các loại sách cho đại học và dạy nghề là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế. Từ điển các loại áp dụng mức thuế suất 5%. Đối với các loại sổ sách chuyên môn áp dụng mức thuế suất 10%. Ngoài ra, từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/12/2023, Công ty được giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với một số mặt hàng được quy định tại Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/06/2023 của Quốc hội.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt	27.135.370	104.340.919
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.416.100.567	2.825.082.072
Cộng	1.443.235.937	2.929.422.991

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại trên 3 tháng và không quá 12 tháng	4.047.445.023	4.047.445.023	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	4.047.445.023	4.047.445.023	5.000.000.000	5.000.000.000

Tại thời điểm 31/12/2023, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng. Ban Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Hàng không Tre Việt	730.158.800	-
Công ty CP Tri thức Văn hóa sách Việt Nam	134.055.680	225.200.225
Các đối tượng khác	462.637.399	1.230.148.399
Cộng	1.326.851.879	1.455.348.624

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư	25.795.000	-
Cộng		25.795.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	124.287.579	-
Công ty TNHH In Nhật Hàn	160.500.000	-
Cộng	284.787.579	-

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2023	01/01/2023
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	124.287.579	-
Cộng		124.287.579	-

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	41.604.016	-	13.500.000	-
Lãi dự thu	104.315.174	-	57.093.151	-
Cộng	145.919.190	-	70.593.151	-

b. Dài hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	22.176.000	-	65.072.000	-
Cộng	22.176.000	-	65.072.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	188.733.846	315.718.381
- Từ 3 năm trở lên	175.293.846	283.087.481
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	13.440.000	14.000.000
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	15.000.000
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	3.630.900
Cộng	188.733.846	315.718.381

b. Nợ xấu

	31/12/2023			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng				
- Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Đắk Nông	39.476.625		- Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Bình Thuận	30.000.386		- Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác	125.016.835	5.760.000	Từ 2 năm đến trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	194.493.846	5.760.000		

	01/01/2023			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng				
- Công ty CP Việt Thương - Nhà sách Cáo Thơm	50.234.301		- Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Sở Giáo dục Đào tạo Bắc Kạn	45.446.334		- Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác	249.509.846	29.472.100	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	345.190.481	29.472.100		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào nợ gốc trừ đi mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	331.047.791	-	322.642.770	-
Thành phẩm	5.690.784.054	(1.211.563.673)	6.738.301.139	(540.712.643)
Hàng hóa	883.853.271	(14.446.801)	899.367.927	(10.344.705)
Cộng	6.905.685.116	(1.226.010.474)	7.960.311.836	(551.057.348)

- Giá trị các loại sách chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2023 là 3.904.246.011 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch tìm kiếm khách hàng, tăng tỷ lệ chiết khấu để tiêu thụ các loại sách này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2023.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Phí quản lý xuất bản	3.132.500	1.114.999
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	19.540.000	-
Cộng	22.672.500	1.114.999

b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	273.863.960	478.333.460
Phí đấu thầu bản thảo	4.332.500	5.155.500
Chi phí mua bản quyền sách	-	115.093.440
Cộng	278.196.460	598.582.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	1.315.932.400	1.315.932.400
Mua sắm trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.315.932.400	1.315.932.400
Khấu hao		
Số đầu kỳ	459.144.866	459.144.866
Khấu hao trong kỳ	201.597.066	201.597.066
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	660.741.932	660.741.932
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	856.787.534	856.787.534
Số cuối kỳ	655.190.468	655.190.468

- Không có tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2023.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 106.350.000 đồng.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP In Phúc Yên	125.024.977	300.000.000
Công ty CP Văn hóa Hà Nội	92.445.000	50.000.180
Các đối tượng khác	362.737.514	394.720.798
Cộng	580.207.491	744.720.978

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Ông Cồ Huy Lê	10.000.000	-
Các đối tượng khác	-	3.800.000
Cộng	10.000.000	3.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	16.151.749	28.349.052	28.789.417	15.711.384
Thuế thu nhập doanh nghiệp	268.189.544	-	268.189.544	-
Thuế thu nhập cá nhân	87.748.019	187.554.393	227.005.652	48.296.760
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	372.089.312	218.903.445	526.984.613	64.008.144

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
Kinh phí công đoàn	82.956.055	85.174.735
Phải trả khác	15.640.125	-
Cộng	98.596.180	85.174.735

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	3.175.555.104	16.027.758.515
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.581.271.991	1.581.271.991
Giảm trong kỳ	-	-	-	(1.581.271.991)	(1.581.271.991)
Số dư tại 31/12/2022	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	3.175.555.104	16.027.758.515
Số dư tại 01/01/2023	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	3.175.555.104	16.027.758.515
Tăng trong kỳ	-	-	-	(1.758.978.561)	(1.758.978.561)
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000
Số dư tại 31/12/2023	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	16.576.543	12.868.779.954

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2023	Năm 2022
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức đã chia	1.400.000.000	1.400.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	3.175.555.104	3.175.555.104
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	(1.758.978.561)	1.581.271.991
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	1.400.000.000	1.581.271.991
- Chia cổ tức	1.400.000.000	1.400.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	181.271.991
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	16.576.543	3.175.555.104

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 24/04/2023 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 với tỷ lệ 14%/vốn điều lệ, tương ứng 1.400.000.000 đồng. Theo đó, công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	VND Nguyên nhân xóa nợ	
Công ty TNHH Thương mại Văn hóa Nam Việt	565.679.294	Khách hàng đã phá sản
Ông Ma Doãn Ngoại (Sở Giáo dục Đào tạo Bắc Kạn)	45.446.334	Nợ không thu hồi được
Công ty CP Việt Thường - Nhà sách Cảo Thơm	50.234.301	Nợ không thu hồi được
Nhà sách Tiến Thọ	30.293.000	Nợ không thu hồi được

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu sách các loại	12.845.681.018	20.510.112.323
Doanh thu khác	2.738.906.885	19.541.779.600
Cộng	15.584.587.903	40.051.891.923

Doanh thu năm 2023 sụt giảm mạnh so với năm trước là do Công ty đánh mất quyền kinh doanh theo hình thức cấp phép và bị giảm nguồn nhân lực dùng để tạo ra luồng tiền.

21. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn sách các loại	9.302.690.626	14.275.967.246
Giá vốn khác	2.430.356.057	16.918.677.568
(Hoàn nhập) Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	674.953.126	(431.231.256)
Cộng	12.407.999.809	30.763.413.558

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	224.643.141	115.951.742
Cộng	224.643.141	115.951.742

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nhân công	503.691.180	1.012.829.750
Chi phí bốc xếp, vận chuyển hàng tiêu thụ	166.088.822	194.399.906
Chi phí thuê kho, cửa hàng	421.408.000	300.000.000
Các khoản khác	383.721.883	38.884.527
Cộng	1.474.909.885	1.546.114.183

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nhân công	1.795.978.670	3.502.175.811
Chi phí khấu hao TSCĐ	201.597.066	201.597.066
Chi phí thuê nhà	421.928.050	604.855.100
Các khoản khác	1.051.772.423	1.471.116.341
Cộng	3.471.276.209	5.779.744.318

24. Chi phí khác

	Năm 2023	Năm 2022
Xử lý phí bản quyền sách không in	115.093.440	-
Các khoản phạt	71.790.080	-
Các khoản khác	38.013.851	142.879.332
Cộng	224.897.371	142.879.332

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.758.978.561)	2.049.461.535
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	838.751.944	291.486.187
- Điều chỉnh tăng	838.751.944	291.486.187
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	581.905.944	104.286.187
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	256.846.000	187.200.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(920.226.617)	2.340.947.722
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	468.189.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.758.978.561)	1.581.271.991
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.758.978.561)	1.581.271.991
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.759)	1.581

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.214.115	153.129.186
Chi phí nhân công	2.299.669.850	4.515.005.561
Chi phí khấu hao tài sản cố định	201.597.066	201.597.066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.968.848.956	14.044.152.700
Chi phí khác bằng tiền	594.420.214	1.002.912.517
Cộng	14.094.750.201	19.916.797.030

28. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ mà Công ty đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo bộ phận theo nhóm sản phẩm	Sách Đại học dạy nghề và xuất bản phẩm		Tem công nghệ 4.0		Hàng hóa khác		Tổng cộng	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu	12.845.681.018	20.510.112.323	-	14.135.839.000	2.738.906.885	5.405.940.600	15.584.587.903	40.051.891.923
Giá vốn hàng bán	9.977.643.752	13.844.735.990	-	12.362.323.600	2.430.356.057	4.556.353.968	12.407.999.809	30.763.413.558
Lợi nhuận gộp nhóm sản phẩm	2.868.037.266	6.665.376.333	-	1.773.515.400	308.550.828	849.586.632	3.176.588.094	9.288.478.365
Các khoản không phân bổ								
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	1.474.909.885	1.546.114.183
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	3.471.276.209	5.779.744.318
Doanh thu tài chính	-	-	-	-	-	-	224.643.141	115.951.742
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	(1.544.954.859)	2.078.571.606
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	10.873.669	113.769.261
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	224.897.371	142.879.332
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-	-	(214.023.702)	(29.110.071)
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	(1.758.978.561)	2.049.461.535
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	468.189.544
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	-	-	-	-	-	(1.758.978.561)	1.581.271.991

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ và các khoản đi vay nên Công ty không chịu rủi ro về tỷ giá, lãi suất. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí in ấn chiếm phần lớn trong giá vốn hàng bán nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí. Đối với hàng hóa mua từ nhà cung cấp để bán trực tiếp, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp chính và theo dõi sát sao thị trường để giảm thiểu rủi ro về sự biến động của giá mua hàng hóa.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau; Hơn nữa, khách hàng của Công ty là các Công ty Sách lớn hoặc Bộ Giáo dục, các Trường Đại học. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác, đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty cũng thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ và thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>31/12/2023</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	580.207.491	-	580.207.491
Phải trả khác	15.640.125	-	15.640.125
Cộng	595.847.616	-	595.847.616
<u>01/01/2023</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	744.720.978	-	744.720.978
Cộng	744.720.978	-	744.720.978

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>31/12/2023</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.443.235.937	-	1.443.235.937
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.047.445.023	-	4.047.445.023
Phải thu khách hàng	1.138.118.033	-	1.138.118.033
Phải thu khác	145.919.190	22.176.000	168.095.190
Cộng	6.774.718.183	22.176.000	6.796.894.183
<u>01/01/2023</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.929.422.991	-	2.929.422.991
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Phải thu khách hàng	1.139.630.243	-	1.139.630.243
Phải thu khác	70.593.151	65.072.000	135.665.151
Cộng	9.139.646.385	65.072.000	9.204.718.385

30. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Giao dịch	Năm 2023	Năm 2022
Bán hàng			
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Bán sách xuất bản	3.281.259.185	7.285.953.647
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Bán sách xuất bản	817.169.540	1.972.804.560
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Bán sách xuất bản	964.257.250	2.269.083.250
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Bán sách xuất bản	88.298.067	144.086.128
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí quản lý xuất bản	203.949.022	900.662.930
	Mua tem chống giả	36.300.000	71.280.000
	Dịch vụ khác	268.755.940	263.132.496
Giao dịch khác			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Trả cổ tức	304.220.000	304.220.000

c. Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ

	Chức danh	Nội dung	Năm 2023	Năm 2022
Ông Nguyễn Công Dũng	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	61.500.000	45.500.000
Ông Phạm Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	-	23.265.000
Ông Phạm Gia Trí	Ủy viên HĐQT	Thù lao	12.888.600	31.500.000
	Giám đốc	Lương, thưởng	64.287.800	553.908.550
Bà Nguyễn Bích Ngọc	Ủy viên HĐQT	Thù lao	42.000.000	-
Bà Tạ Thị Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT	Thù lao	28.846.000	-
Bà Nguyễn Thị Hữu	Ủy viên HĐQT	Thù lao	42.000.000	31.500.000
Bà Đặng Trần Bảo Tín	Ủy viên HĐQT	Thù lao	42.000.000	31.500.000
Ông Đặng Văn Tuyên	Ủy viên HĐQT	Thù lao	-	16.320.000
Ông Lê Quang Dũng	Ủy viên HĐQT	Thù lao	-	31.500.000
	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	43.873.700	342.721.978
Ông Doãn Hữu Đoàn	Ủy viên HĐQT	Thù lao	13.154.000	31.500.000
Bà Trần Thị Thu Thủy	Trưởng BKS	Thù lao	38.242.000	22.500.000
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Thành viên BKS	Thù lao	20.604.000	-
Phạm Gia Huân	Thành viên BKS	Thù lao	30.000.000	23.000.000
Ông Trần Đình Hoàng	Giám đốc	Lương, thưởng	219.321.450	-
Ông Trần Trọng Tiến	Phó Giám đốc	Lương, thưởng	160.564.400	256.805.400
Bà Trần Thị Phương Lan	Phó Giám đốc	Lương, thưởng	167.809.400	190.036.242
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	152.108.940	-

31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.



Trần Đình Hoàng

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2024

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Huyền